

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 84/2025/QĐ-UBND NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM
2025 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ PHÂN CẤP ĐỊNH GIÁ CỤ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THỂ (Dự thảo Quyết định mới)	THUYẾT MINH
Điều 1. Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 4		
Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá 1. ... 2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh. 3. ...	Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá 1. ... 2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh. <i>2a. Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật</i>	- Điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 1 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 ngày 10/12/2025 quy định: “2. ... <i>b) Đối với việc bình ổn giá tại phạm vi địa phương, sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện</i>

	<i>Giá số 16/2023/QH15 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.</i> 3. ...	<i>theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;”</i> <i>- Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 32 Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định:</i> <i>“2....</i> <i>a) <u>Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá</u> (gồm các nội dung như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 của Nghị định này), kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá (gồm các nội dung quy định tại điểm b khoản này) gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp và phân công tổ chức thực hiện. Trường hợp cần thiết, Sở Tài chính yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo các thông tin khác phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định;...”</i>
Điều 2. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4		

Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá ... 3. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.	Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá ... 3. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định. <i>Điều 4a: Phân cấp định giá cụ thể</i> <i>1. Phân cấp cho Sở Y tế định giá cụ thể áp dụng tại đơn vị trên địa bàn (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc Phòng, Bộ Công an) đối với:</i> <i>a) Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).</i> <i>b) Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo</i>	- Nội dung phân cấp cho Sở y tế định giá quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 19) - Nội dung phân cấp cho UBND cấp xã định giá cụ thể quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 37, 42)
--	--	--

	<i>yêu cầu).</i> <i>c) Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.</i> <i>d) Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).</i> <i>2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể đối với:</i> <i><u>Phương án 1:</u></i> <i>Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá)."</i> <i><u>Phương án 2:</u></i> <i>a) Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.</i> <i>b) Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá)."</i>	
Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5		
1. Bổ sung cụm từ “, cung ứng” sau cụm từ “tổ chức, cá nhân kinh doanh,” và cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản		

2 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP” sau cụm từ “Nghị định số 85/2024/NĐ-CP” của khoản 1 Điều 5.

Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP).

- Khoản 1, 2, 3 Điều 1 Nghị định 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 quy định:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 9 như sau:

...đ) Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này: Cơ quan có thẩm quyền định giá hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền định giá phân cấp tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này...

2. Sửa đổi, bổ sung ... điểm d khoản 2 Điều 9 như sau:

...

d) Đối với dịch vụ thuê chuyên cơ, chuyên khoang chính thức có tính đến yếu tố tàu bay dự bị, sử dụng ngân sách nhà nước và các hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này: Cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá; việc lựa chọn tổ chức,

		<i>cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.</i> <i>3. Bổ sung cụm từ “, cung ứng” sau cụm từ “tổ chức, cá nhân kinh doanh” tại điểm a khoản 1, khoản 3 và khoản 6 Điều 9.”</i>
2. Bổ sung khoản 2a và khoản 2b sau khoản 2 Điều 5 như sau:		
Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện định giá 1. ... 2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, gửi Sở Tài chính có ý kiến tham gia bằng văn bản; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện việc thẩm định phương án giá được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này. 3. ...	Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện định giá 1. ... 2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, gửi Sở Tài chính có ý kiến tham gia bằng văn bản; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện việc thẩm định phương án giá được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này. <i>2a. Đối với hàng hoá, dịch vụ Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể: Ủy ban nhân dân cấp xã phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định phương án giá. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do</i>	- Khoản 2 Điều 3 Nghị định 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 quy định: <i>2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 11 như sau:</i> <i>“c) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 9 của Nghị định này: <u>Cơ quan có thẩm quyền định giá hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá trình;</u>”.</i>

	phòng, ban chuyên môn trực thuộc được giao thẩm định phương án giá trình. 2b. Đối với hàng hoá, dịch vụ Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Y tế định giá cụ thể: Sở Y tế phân công phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở thực hiện thẩm định phương án giá. Sở Y tế có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc được giao thẩm định phương án giá trình. 3. ...	
Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6		
Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 3 Điều 6 như sau:		
Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá 3. Đối tượng thực hiện kê khai giá a) Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm và đăng tải theo quy định. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê	Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá 3. Đối tượng thực hiện kê khai giá a) Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê	- Khoản 1 Điều 4 Nghị định 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 quy định: <i>“1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 16 như sau:</i> <i>a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cho một cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu ban hành <u>Thông báo danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận theo thời hạn quy định tại điểm b khoản này. Thông tin tại Thông báo danh sách kê khai giá bao gồm tên tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; mã số thuế.</u>”</i>

khai giá thì các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát Danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì không cần tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá mới.

b) Định kỳ vào ngày 01 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh Danh sách kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Danh sách kê khai giá.

c) Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

khai giá tại địa phương định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm và đăng tải theo quy định. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh *Thông báo* danh sách kê khai giá thì các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành *Thông báo* danh sách kê khai giá bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh *Thông báo* Danh sách kê khai giá thì không cần tham mưu ban hành *Thông báo* danh sách kê khai giá mới.

b) Định kỳ vào ngày 01 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh *Thông báo* danh sách kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh danh sách kê khai giá.

c) Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Bổ sung khoản 3 Điều 9

Điều 9. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. ...
2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
 - a) Sở Nông nghiệp và Môi trường Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.
 - b) Sở Xây dựng Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)), danh mục Giao thông tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.
 - c) Sở Công Thương Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí

Điều 9. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. ...
2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
 - a) Sở Nông nghiệp và Môi trường Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.
 - b) Sở Xây dựng Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)), danh mục Giao thông tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.
 - c) Sở Công Thương Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-

Tại Điều 16 của Thông tư 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 16. Nội dung báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo giá thị trường địa phương

...2. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu và thời hạn của báo cáo định kỳ gửi Bộ Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ xây dựng báo cáo hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm (sau đây gọi là báo cáo tháng, quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm);

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo tháng: Tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng kỳ báo cáo. - Báo cáo quý: Tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến ngày cuối

cùng của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo. - Báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 01 của tháng 01

đến ngày cuối cùng của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo 9 tháng: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ xây dựng báo cáo và gửi báo cáo giá thị trường về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

dầu mỡ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC. d) Sở Y tế Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC. đ) Sở Giáo dục và Đào tạo Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC. e) Thống kê tỉnh Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).	BTC. d) Sở Y tế Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC. đ) Sở Giáo dục và Đào tạo Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC. e) Thống kê tỉnh Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có). g) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	<u>trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 05 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm....”</u>
--	--	--

g) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo đề nghị của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC. h) Ủy ban nhân dân cấp xã Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn xã, phường quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.	thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo đề nghị của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC. h) Ủy ban nhân dân cấp xã Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn xã, phường quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC. <i>3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp</i> <i>a) Báo cáo tháng</i> <i>Tần suất thực hiện: Hằng tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng kỳ cáo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 01 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ</i>
--	---

	<i>báo cáo.</i> <i>b) Báo cáo quý</i> <i>Tần suất thực hiện: 03 tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.</i> <i>c) Báo cáo 6 tháng (Thực hiện tương ứng Báo cáo Quý II và 6 tháng)</i> <i>Tần suất thực hiện: 06 tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.</i> <i>d) Báo cáo 9 tháng (Thực hiện tương ứng Báo cáo Quý III và 9 tháng)</i> <i>Tần suất thực hiện: 09 tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.</i> <i>đ) Báo cáo năm (Thực hiện tương ứng Báo cáo Quý IV và cả năm)</i> <i>Tần suất thực hiện: 12 tháng. Thời gian</i>	
--	--	--

	<i>chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.</i>	
Điều 6. Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 13		
Điều 13. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá 1. ... 2. ... a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công tại khoản 2 Điều 9 Quy định này; b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hoá, dịch vụ chủ trì tham mưu; đồng thời gửi hồ sơ về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi (tối đa sau 07 ngày kể từ khi quyết định về giá hàng hoá, dịch vụ có hiệu lực); c) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá; d) Thông báo kết quả thẩm định giá	Điều 13. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá 1. ... 2. ... a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công tại khoản 2 Điều 9 Quy định này; b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hoá, dịch vụ chủ trì tham mưu; đồng thời gửi hồ sơ về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi (tối đa sau 07 ngày kể từ khi quyết định về giá hàng hoá, dịch vụ có hiệu lực); c) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá; d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Thủ trưởng	- Điểm 3 Điều 6 Nghị định 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 quy định: “3. <i>Bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 25 như sau:</i> <u>đ) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ do cơ quan hiệp thương giá xác định. Việc áp dụng mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Giá.</u> ”

của Hội đồng thẩm định giá do Thủ trưởng các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc các Sở quản lý ngành, lĩnh vực quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập; đồng thời gửi hồ sơ thẩm định giá, báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi; - Thời hạn gửi Hồ sơ thẩm định giá: Tối đa sau 07 ngày kể từ khi có Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng. - Thời hạn gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá: Ngày 02 của tháng đầu tiên hàng quý. đ) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.	các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc các Sở quản lý ngành, lĩnh vực quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập; đồng thời gửi hồ sơ thẩm định giá, báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi; - Thời hạn gửi Hồ sơ thẩm định giá: Tối đa sau 07 ngày kể từ khi có Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng. - Thời hạn gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá: Ngày 02 của tháng đầu tiên hàng quý. đ) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền. <i>e) Mức giá của hàng hoá, dịch vụ do Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ là cơ quan hiệp thương giá xác định. Việc áp dụng mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Giá.</i>	
Điều 7. Thay thế một số cụm từ, bãi bỏ một số số thứ tự phần III phụ lục I của Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND		
	1. Thay thế cụm từ “Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ” bằng cụm từ “Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực	Đề bảo đảm thống nhất với Nghị định số 85/2024/NĐ-CP về cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá, cơ quan kê khai giá... theo đó chủ

	thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ”.	thể thực hiện nhiệm vụ không chỉ giới hạn là các sở mà bao gồm các cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh được giao chức năng quản lý ngành, lĩnh vực như Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao thực hiện nhiệm vụ thẩm định phương án giá theo quy định; cập nhật cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương...
	<u>Phương án 1.</u> 2. Bãi bỏ số thứ tự 2, 3 mục III.1 phần III; số thứ tự 10 mục III.2 phần III của Phụ lục I. <u>Phương án 2.</u> 2. Bãi bỏ số thứ tự 2, 3 mục III.1 phần III; số thứ tự 6, 10 mục III.2 phần III của Phụ lục I.	<u>Phương án 1.</u> Do phân cấp cho Sở y tế và UBND cấp xã định giá tại Điều 2 của Dự thảo Quyết định này. (Trong đó, phân cấp cho UBND cấp xã đối với dịch vụ tại số thứ tự 6 của Phụ lục I) <u>Phương án 2.</u> Do phân cấp cho Sở y tế và UBND cấp xã định giá tại Điều 2 của Dự thảo Quyết định này. (Trong đó, phân cấp cho UBND cấp xã đối với dịch vụ tại số thứ tự 6, 10 của Phụ lục I)

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình)			DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (Dự thảo Quyết định mới)			THUYẾT MINH	
Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số mục của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND							
Phương án 1.							
1. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 6 phần II; số thứ tự 3, 6 mục III.2 phần III như sau:							
II	Định giá tối đa		II	Định giá tối đa			
6	Dịch vụ thu gom, vận	Sở		Dịch vụ thu gom, vận chuyên,	Sở Nông	Sửa đổi, bổ sung theo quy định	

	chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Nông nghiệp và Môi trường	6	xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	ng nghiệp và Môi trường	tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 37)
III	Định giá cụ thể		III	Định giá cụ thể		
III.2	Định giá cụ thể		III.2	Định giá cụ thể		
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định giá theo đề nghị của tổ chức, đơn vị	3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ theo	Bổ sung cụm từ “từ nguồn chi thường xuyên” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 17)

					đề nghị của tổ chức, đơn vị	
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường	6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 37)
2. Bổ sung số thứ tự 10, 11, 12 mục III.2 phần III; bổ sung phần IV như sau:						
			III	Định giá cụ thể		
			III.2	Định giá cụ thể		
			10	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp số tập trung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp	Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 43)
			11	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ cao đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và	Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 43)

					Khu Công nghệ cao	
			12	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm Công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Công Thương	Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 43)
			IV	Định giá khung, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
			1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ	Bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ: “Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ” theo quy định tại số thứ tự 29 phụ lục số 02 Ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15.
Phương án 2.						
1. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 6 phần II; số thứ tự 3, 7, 8, 9 mục III.2 phần III như sau:						

II	Định giá tối đa		II	Định giá tối đa		
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 37)
III	Định giá cụ thể		III	Định giá cụ thể		
III.2	Định giá cụ thể		III.2	Định giá cụ thể		
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa	Sở quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định giá theo đề nghị của tổ chức, đơn vị	3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ	Bổ sung cụm từ “từ nguồn chi thường xuyên” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 17)

	phương				quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ theo đề nghị của tổ chức, đơn vị	
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	6	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	7	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	8	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	

2. Bổ sung số thứ tự 9, 10, 11 mục III.2 phần III; bổ sung phần IV như sau:

			III	Định giá cụ thể		
			III.2	Định giá cụ thể		
			9	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp số tập trung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp	Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 43)
			10	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ cao đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao	Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 43)
			11	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm Công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Công Thương	Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15 (Số thứ tự 43)
			IV	Định giá khung, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
			1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực	Bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể

					thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ	tùy dịch vụ: “Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ” theo quy định tại số thứ tự 29 phụ lục số 02 Ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15.
--	--	--	--	--	--	---